TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hải; ông Vũ Văn Doãn

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Mai Thị T - Sinh năm 1995; CCCD: 038195034386

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Mai Văn T1 - Sinh năm: 1991; CCCD: 038091046884

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/01/2026 và bản tự khai nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: chị và anh Mai Văn T1 kết hôn với nhau vào ngày 15/01/2014, trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện N (nay là xã N), tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân được 06 tháng. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn anh T1 theo quy định; về con: vợ chồng có 02 con chung là Mai Tuyết N, sinh ngày 02/5/2014 và Mai Diệp Y, sinh ngày 01/02/2018. Hiện tại 2 cháu đang ở cùng anh T1. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức

cấp dưỡng là 2.000.000đ/cháu/tháng (hai cháu là 4.000.000đ/tháng; về tài sản và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 16/3/2026, chị T có đơn đề nghị: về hôn nhân và tài sản chung: chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; về con: vợ chồng có 02 con chung là Mai Tuyết N, sinh ngày 02/5/2014 và Mai Diệp Y, sinh ngày 01/02/2018. Sau ly hôn, chị đề nghị nuôi cháu Y; giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với bị đơn anh Mai Văn T1: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật, anh T1 cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn; đồng thời không tiến hành hòa giải với các đương sự. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Bị đơn anh T1 trình bày: về hôn nhận anh thống nhất về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở kết hôn như chị T đã trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng, anh có đôi lần tác động lên chị T. Vợ chồng đã sống ly thân. Chị T yêu cầu ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định; về con: vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày, anh đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ: anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thanh Hoá phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T, cho chị T được ly hôn anh Mai Văn T1. Về con: giao cháu Mai Diệp Y, sinh ngày 01/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Mai Tuyết N, sinh ngày 02/5/2014 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T, anh T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị T phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Mai Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: theo chị T trình bày trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Chị T đề nghị ly hôn anh T1 theo quy định. Theo anh T1 trình bày: vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn thuẫn, do tính tình không còn hoà hợp, anh có tác động vài lần lên chị T. Vợ chồng đã sống ly thân. Chị T yêu cầu ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo quy định. Xét thấy, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T, cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Tuyết N, sinh ngày 02/5/2014 và Mai Diệp Y, sinh ngày 01/02/2018. Hiện 2 cháu đang ở cùng anh T1. Sau ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Y; giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với anh T1: anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con; về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị T, anh T1 về việc đề nghị được trực tiếp con là hoàn toàn tự nguyện và chính đáng. Nguyện vọng hai cháu cũng muốn ở cùng mẹ. Qua xác minh tại UBND xã N thì hai cháu N và Y đang ở cùng anh T1. Tuy nhiên, để cha và mẹ đều có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn, HĐXX giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định và thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T, cho chị T được ly hôn anh Mai Văn T1.

2. Về con: Giao cháu Mai Diệp Y, sinh ngày 01/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Mai Tuyết N, sinh ngày 02/5/2014 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T và anh T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu, ký hiệu: BLTU/26E, số 0000609, ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
Hoàng Văn Hải Vũ Văn D	**Lê Thị Huệ**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Thanh Hóa;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
(*UBND xã Nga Yên. huyện Nga Sơn cũ*)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Hải Vũ Văn D **Lê Thị H**